

CÔNG TY XĂNG DẦU QUẢNG TRỊ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

**SỬA CHỮA, MỞ RỘNG PETROLIMEX - CỬA HÀNG 06
VÀ CỬA HÀNG DẦU, MỠ, NHỒN - GAS SỐ 4**

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

**CÔNG TY XĂNG DẦU
QUẢNG TRỊ**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thái Tăng Kiệt

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Phú

QUẢNG TRỊ, NĂM 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	4
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	5
1. Tên chủ dự án đầu tư	6
2. Tên dự án đầu tư	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	7
3.3. Sản phẩm dự án.....	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	8
4.1. Giai đoạn thi công xây dựng	9
4.2. Giai đoạn vận hành.....	9
4.2.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	9
4.2.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	10
5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng.....	10
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	12
5.2.1. Hiện trạng các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	12
5.2.2. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường xây mới.....	13
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	15
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	15
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	15
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	16
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	16
1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường khu vực Dự án	16
1.1.1. Môi trường không khí và tiếng ồn.....	16
1.1.2. Môi trường nước mặt.....	17
1.1.3. Chất lượng nước thải	18
1.1.4. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án.	18

1.2. Dữ liệu về đặc điểm tài nguyên sinh vật.....	19
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	19
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....	19
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	21
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	21
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	21
1.1.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt	21
1.1.2. Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn	21
1.1.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng.....	21
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.....	21
1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt	21
1.2.2. Chất thải rắn xây dựng.....	22
1.2.3. Chất thải nguy hại.....	22
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công, tháo dỡ công trình.....	22
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	23
1.4.1. Đối với tiếng ồn	23
1.4.2. Đối với độ rung	23
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	24
1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông	24
1.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội	24
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	25
2.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải	27
2.1.1. Nước thải sinh hoạt.....	27
2.1.2. Nước thải sản xuất	28
2.1.3. Nước mưa chảy tràn.....	30
2.2. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	30
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).....	31
2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	31

2.3.2. Chất thải nguy hại.....	32
2.4. Về công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.....	32
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	33
2.5.1. Đối với sự cố cháy nổ.....	33
2.5.2. Đối với sự cố tràn dầu	34
2.5.3. Phòng ngừa tai nạn lao động	37
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	37
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	39
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	40
1.1. Nước thải sinh hoạt	40
1.2. Nước thải sản xuất (nước mưa chảy tràn trên sân đường có dầu mỡ).....	40
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải.....	41
3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	42
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	43
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	44
3. Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm	44
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	45
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	46
NGUỒN TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO	47

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	CTR	Chất thải rắn
6	KT-XH	Kinh tế - xã hội
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	QĐ	Quyết định
9	UBND	Ủy ban nhân dân
10	UPCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu
11	WHO	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất của dự án đầu tư.....	7
Bảng 1.2. Công suất hoạt động của Cửa hàng	8
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên vật liệu chính trong giai đoạn thi công	9
Bảng 1.4. Quy mô các hạng mục của Dự án	10
Bảng 3.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	16
Bảng 3.2. Dữ liệu môi trường nước mặt khu vực dự án.....	17
Bảng 3.3. Dữ liệu chất lượng nước thải	18
Bảng 3.4. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn.....	19
Bảng 3.5. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	19
Bảng 4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đã thực hiện.....	25
Bảng 4.2. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng	32
Bảng 4.3. Các hạng mục hệ thống PCCC	33
Bảng 4.4. Danh sách các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án.....	37
Bảng 4.5. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp	39
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	40
Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm.....	41
Bảng 5.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung	42

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Địa chỉ văn phòng: số 02 Lê Lợi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Nguyễn Đức Hùng.
- Điện thoại: 0233.3557.868
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3200041048 đăng ký lần đầu ngày 13/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/8/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.
- Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 16/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Cửa hàng xăng dầu số 06 thuộc Công ty Xăng dầu Quảng Trị.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quyết định số 1722/GXN-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu theo quyết định số 19/GCNĐĐK-SCT ngày 07/06/2011 của Sở Công thương tỉnh Quảng Trị.

2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: Sửa chữa, mở rộng Petrolimex - Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Km3+550(p), Quốc lộ 9, Phường 3, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Ranh giới các vị trí tiếp giáp như sau:
 - + Phía Nam: Giáp Quốc lộ 9;
 - + Phía Đông: Giáp khu dân cư khu phố 5, phường 3, thành phố Đông Hà;
 - + Phía Bắc: Giáp ruộng lúa;
 - + Phía Tây: Giáp mương thoát nước, tiếp đến là đất dân cư khu phố 5, phường 3, thành phố Đông Hà.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 4,74 tỷ đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật Đầu tư công năm 2019, dự án thuộc dự án nhóm C.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

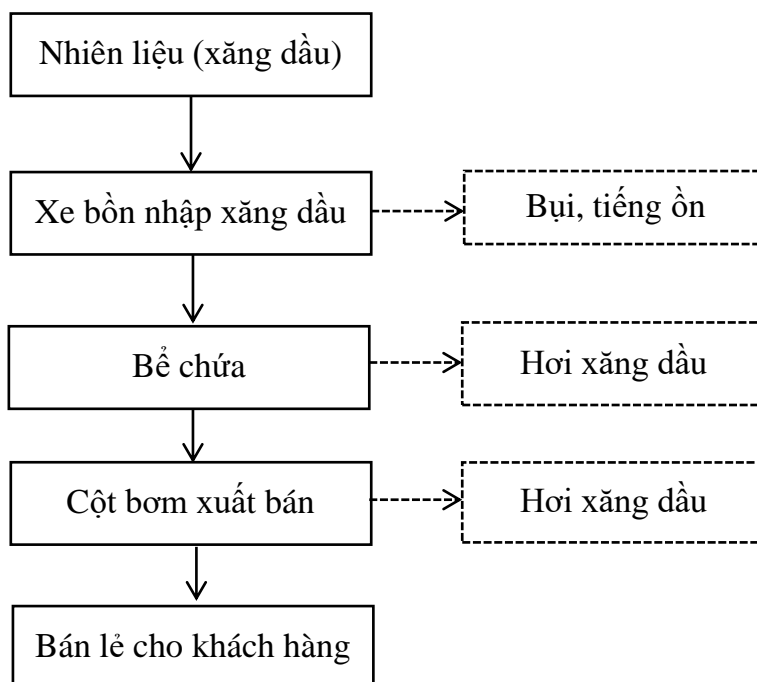
3.1. Công suất của dự án đầu tư

Bảng 1.1. Công suất của dự án đầu tư

Nội dung	Hiện trạng	Quy mô mở rộng của dự án
Sức chứa xăng, dầu	75 m ³ bao gồm 3 bể chứa bằng thép không gỉ, mỗi bể có sức chứa 25 m ³ (01 bể dầu, 02 bể xăng) và 04 cột bơm	100 m ³ bao gồm 4 bể chứa bằng thép không gỉ, mỗi bể có sức chứa 25 m ³ (02 bể dầu, 02 bể xăng) và 04 cột bơm
Công suất	Dự án kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu, nhớt với khối lượng trung bình (khoảng 201 m ³ /tháng) và gas với khối lượng trung bình (6500 kg/tháng)	Dự án kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu, nhớt với khối lượng trung bình (khoảng 201 m ³ /tháng) và gas với khối lượng trung bình (6500 kg/tháng)

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư [1]

- Công nghệ của dự án đầu tư:

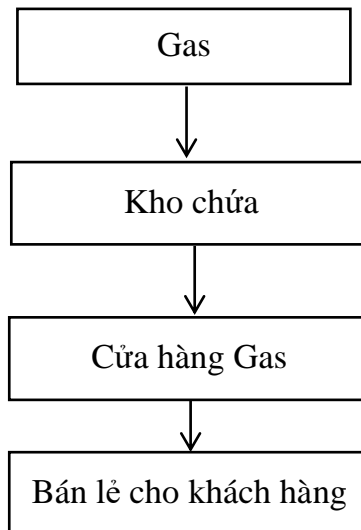


Quy trình xuất nhập xăng, dầu của Cửa hàng như sau:

Cửa hàng nhập xăng, dầu từ kho chứa xăng dầu tại Công ty xăng dầu Khu vực V – Đà Nẵng, vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng về tại Cửa hàng, tại đây xăng, dầu được nhập và lưu chứa tại 4 bể chứa có tổng thể tích 100 m³ (02 bể chứa xăng, 02 bể chứa dầu). Sau đó xăng, dầu được bơm theo hệ thống ống dẫn đến 04 cột bơm điện tử bằng vòi cấp tự ngắt để xuất bán xăng.

Toàn bộ các đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh thoát kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng vị trí các cột bơm.

Các chi tiết của cụm bể chứa xăng, dầu như họng nhập, van hở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng, dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.



Quy trình xuất nhập Gas của Cửa hàng như sau:

Gas được lấy tại kho chứa Gas khu vực Đà Nẵng và vận chuyển bằng ô tô chuyên dụng đến Cửa hàng và lưu chứa tại kho của khu vực Cửa hàng Gas. Sau đó, mặt hàng Gas các loại sẽ được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn thành phố Đông Hà và các vùng lân cận.

3.3 Sản phẩm dự án

Sản phẩm Cửa hàng kinh doanh xăng, dầu, nhờn và Gas sau sửa chữa, mở rộng không thay đổi công suất so với hiện trạng. Công suất dự án như sau:

Bảng 1.2. Công suất hoạt động của Cửa hàng

TT	Loại sản phẩm	Số lượng (1 tháng)
1	Xăng	120 m ³
2	Dầu	80 m ³
3	Nhờn	1 m ³
4	Gas	6.500 kg

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

Dự án đã đi vào vận hành từ năm 2003 và được đầu tư xây dựng các hạng mục cơ bản, giai đoạn này chỉ đầu tư sửa chữa, mở rộng thêm một số hạng mục như sau:

- Sửa chữa, mở rộng mái che cột bơm với phần mở rộng có diện tích: 342 m²;
- Xây mới nhà bán hàng;
- Xây mới nhà vệ sinh;
- Xây mới cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – gas số 4;
- Bổ sung cụm bể chứa xăng, dầu và rãnh công nghệ xuất bán xăng, dầu;
- Sửa chữa sân bãi và các hạng mục hạ tầng phụ trợ.

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Nguồn nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn thi công bao gồm:

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn thi công

TT	Loại	Khối lượng	Trọng lượng riêng (tấn/m³)	Khối lượng (tấn)
1	Đá các loại	90 m ³	1,45	135
2	Cát các loại	75 m ³	1,55	116
3	Thép các loại	35 tấn	-	35
4	Xi măng	48 tấn	-	46
Tổng cộng				334

4.2. Giai đoạn vận hành

Dự án sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06; Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – Gas số 4 chỉ đầu tư sửa chữa, mở rộng một số hạng mục công trình. Cửa hàng sau khi sửa chữa, mở rộng, công suất hoạt động và số lượng CBCNV của dự án không thay đổi. Nên nhu cầu sử dụng nhiên liệu và điện, nước trong giai đoạn vận hành sau khi sửa chữa, mở rộng không thay đổi so với nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước hiện tại của Cửa hàng.

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước của dự án như sau:

4.2.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Dự án kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu, nhờn và các sản phẩm hóa dầu hiện tại với khối lượng trung bình là 201 m³/tháng, và kinh doanh gas các loại với khối lượng trung bình là 6.500 kg/tháng.

Nhiên liệu phục vụ cho hoạt động của Dự án được lấy tại Công ty xăng dầu, Khu vực V - Đà Nẵng.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

* *Nhu cầu về điện:*

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho Cửa hàng được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực với điện áp 380/220V.

- Nhu cầu sử dụng điện: 1.000 kW/tháng.

*** Nhu cầu về sử dụng nước:**

- Nhu cầu về nước: Hiện tại Cửa hàng sử dụng nguồn nước do Công ty nước sạch Quảng Trị cung cấp để phục vụ cho các hoạt động tại Cửa hàng. Lượng nước sử dụng bao gồm:

- Nước dùng cho sinh hoạt của CBCNV: 04 công nhân x 150 lít/người/ngày = 0,6 m³/ngày (Theo TCXDVN 33:2006).

- Nước dùng cho khoảng 15 khách vãng lai với khối lượng khoảng 0,4 m³/ngày.

- Nước vệ sinh sân đường, tưới nước giảm bụi khoảng 1 m³/ngày.

→ Tổng lượng nước sử dụng của dự án khoảng 2 m³/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Các hạng mục công trình của Cửa hàng

Dự án được thực hiện trên tổng diện tích là 1.236 m². Quy mô các hạng mục của công trình như sau:

Bảng 1.4. Quy mô xây dựng các hạng mục của Dự án

TT	Hạng mục công trình	Diện tích hiện tại (m²)	Diện tích sau khi mở rộng, nâng cấp (m²)	Ghi chú
I	Các hạng mục chính			
1	Nhà bán hàng + nhà ở	60	62,1	Dịch chuyển lùi về phía Bắc so với hiện trạng khoảng 10 m và xây mới
2	Khu vực nhà vệ sinh + phòng đặt máy phát điện + chỗ để xe nhân viên	40,6	51,8	Dịch chuyển về phía Bắc khoảng 10 m ngay sau nhà bán hàng và xây mới
3	Mái che cột bơm	165	342	Mở rộng, nâng cấp
4	Cụm bể chứa xăng dầu	70	92	Bổ sung mới 01 bể
5	Hệ thống rãnh công nghệ	20	28,5	Phá dỡ và xây mới tuyến đường ống cấp xăng với chiều dài 38,5 m dài hơn 8,5 m so với rãnh hiện trạng (30 m)
6	Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – Gas số 4	49	47	Dịch chuyển lùi về phía Bắc khoảng 10 m so với hiện trạng và xây mới

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4

TT	Hạng mục công trình	Diện tích hiện tại (m ²)	Diện tích sau khi mở rộng, nâng cấp (m ²)	Ghi chú
7	Sân bãi bê tông	618,2	535	Phá dỡ một số vị trí sân bãi đã xuống cấp và sửa chữa, xây mới mặt bằng đường bãi. Trong đó sân bãi bê tông phần không có mái che có khả năng nhiễm dầu mỡ phải thu gom xử lý với diện tích khoảng 264 m ² .
II	Các hạng mục phụ trợ			
8	Hệ thống rãnh hứng nước nhiễm dầu	27	27	Giữ nguyên
9	Bể chứa cát và cấp nước PCCC	3,0	2	Phá dỡ và xây mới sau sân để xe của nhân viên
10	Khu vực đắp đất, mái taluy	176,9	42,1	Khu vực đắp đất, một phần xây dựng mới mái taluy, phần đất còn lại sử dụng với mục đích dịch chuyển nhà bán hàng ra phía sau.
III	Hạng mục BVMT			
11	Bể xử lý nước thải (bể lắng tách dầu)	4,5	4,5	Giữ nguyên
12	Bể chứa CTNH	1,8	2	Phá dỡ và dịch chuyển lùi về góc phía Tây Bắc khoảng 5 m so với hiện trạng và xây mới
Tổng cộng		1.236	1.236	

- Số lượng CBCNV trong giai đoạn thi công: 08 công nhân trên công trường;
 - Số lượng CBCNV trong giai đoạn hoạt động: tổng CBCNV của cửa hàng là 08 người.

+ Ca làm việc tại Cửa hàng: 24 tiếng/ca (1 ngày.đêm/ca).

+ Số lượng làm việc theo ca: 04 người/ca. Nhân viên giao ca theo ngày.

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

5.2.1. Hiện trạng các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại nhà bán hàng và mái che cột bơm được thu gom bằng ống nhựa PVC đường kính 90 bao quanh khu vực nhà bán hàng và mái che cột bơm. Nước mưa được thu gom và thoát ra rãnh nước nằm ở phía Bắc của Cửa hàng, sau đó chảy về Khe Lược cách khu vực dự án khoảng 200 m về phía Đông Bắc.

b. Hệ thống xử lý nước thải

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của CBCNV được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 2,5 m³ bố trí ngay dưới nhà vệ sinh hiện trạng nằm góc phía Đông Bắc của Dự án. Nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn được thấm ra đất tại khu vực Dự án.

Hiện nay biện pháp này được áp dụng và thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên để đảm bảo xử lý triệt để nước thải sinh hoạt, Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng mới bể tự hoại 5 ngăn tách biệt.

*** Đối với nước thải sản xuất**

Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Nước mưa trên mặt sân, đường bãi phía trước nhà bán hàng, mái che cột bơm và nước thải vệ sinh sân đường có dầu rơi vãi được thu gom về hệ thống rãnh thu gom dầu mỡ với chiều dài rãnh 50 m sau đó chảy về cụm bể lắng tách dầu với cấu tạo 4 ngăn có thể tích 2,7 m³, kết cấu bằng bê tông, nắp có dầy đan thép, được đặt góc phía Tây Bắc của Cửa hàng. Với kích thước như sau:

$$+ \text{Ngăn 1: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

$$+ \text{Ngăn 2: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

$$+ \text{Ngăn 3: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,76 \times 0,76 \times 1,25)$$

$$+ \text{Ngăn 4: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

Nước sau khi xử lý tại bể lắng lọc dầu đầu nổi thoát ra Khe nước tự nhiên phía Tây Bắc, sau đó chảy ra Khe Lược nằm ở phía Đông Bắc khu vực Dự án. Đối với váng dầu thu gom từ các bể lắng, cửa hàng đã lưu trữ tại kho chứa chất thải.

Hiện nay, biện pháp công trình xử lý nước thải sản xuất thực hiện tại khu vực dự án đang được sử dụng có hiệu quả, do đó Chủ dự án sẽ giữ nguyên cụm bể lắng, lọc dầu đã có với thể tích 2,7 m³.

c. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH

** Đối với CTR sinh hoạt*

CTR sinh hoạt của CBCNV được thu gom vào 03 thùng 120 L và 01 thùng rác loại 30 L đặt tại các vị trí sau khu vực nhà bán hàng. Đồng thời hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý (tần suất 1 lần/ngày).

Hiện nay biện pháp công trình thu gom CTR sinh hoạt thực hiện tại khu vực dự án đang được áp dụng có hiệu quả. Vì vậy sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới.

** Đối với CTNH*

- Hiện trạng công trình xử lý CTNH:

Đối với CTNH hiện được thu gom vào 01 ô thu gom có hình hộp chữ nhật kích thước: (1,3×1,3)m, cao 1m. Bể có nắp đậy bằng tôn có bản lè, đặt tại phía Tây Bắc của khu vực dự án. Để xử lý lượng CTNH này, hiện nay Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 lần/năm. (Hợp đồng bố trí tại phụ lục báo cáo).

Hiện nay biện pháp công trình thu gom CTNH thực hiện tại khu vực dự án đang được áp dụng có hiệu quả. Tuy nhiên, Dự án cải tạo sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06; Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4 sẽ tiến hành mở rộng khu vực bể chứa, nên Chủ án sẽ phá dỡ bể chứa CTNH và xây mới.

Biện pháp xử lý lượng CTNH hiện nay đang được áp dụng có hiệu quả, vì vậy Chủ dự án tiếp tục hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 lần/năm để xử lý. (Hợp đồng bố trí tại phụ lục báo cáo)

5.2.2. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường xây mới.

a, Công trình hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Dự án cải tạo sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4 sẽ tiến hành phá dỡ nhà bán hàng dịch chuyển lùi về phía Bắc so với hiện trạng là 10 m và mở rộng mái che cột bơm nên Chủ dự án sẽ xây mới hệ thống thu gom thoát nước mưa tại các khu vực này như sau:

+ Đối với nước mưa trên mái che cột bơm: Bố trí 02 máng nước bằng inox 304 dày 1mm. Toàn bộ nước trên mái được thu về 02 máng thu nước, trong máng thu nước bố trí phân đều nhiều vị trí lỗ thu nước để có thể thu triệt để toàn bộ nước trên mái vào các ống thu nước. Toàn bộ các ống thu nước được đầu nối chảy tràn qua mái nhà bán hàng.

+ Đối với nước mưa trên mái nhà bán hàng và nhà bán Gas: Toàn bộ nước mưa trên mái được hứng trên hệ thống sê nô bao quanh mái, nước được thu vào các ống nhựa PVC đường kính 110 và chảy ra mái taluy phía khu đất chảy ra khe nước, sau đó thoát ra Khe Lược nằm tại phía Đông Bắc của Dự án.

b. Hệ thống xử lý nước thải

*** Đối với nước thải sinh hoạt**

Dự án cải tạo sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4 sẽ tiến hành phá dỡ bể tự hoại 3 ngăn hiện có và xây dựng mới bể tự hoại 5 ngăn với thể tích 5 m³. Bể tự hoại được xây dựng ngay tại nhà làm việc, cách bể hiện trạng 10 m về phía Bắc của Dự án.

*** Đối với nước thải sản xuất**

Hiện nay, biện pháp công trình xử lý nước thải sản xuất thực hiện tại khu vực dự án đang được sử dụng có hiệu quả, do đó Chủ dự án sẽ giữ nguyên cụm bể lắng, lọc dầu đã có với thể tích 2,7 m³. Nước thải sau khi được xử lý sẽ theo hệ thống rãnh thoát nước (xây dựng mới) với chiều dài là 32 m và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 9. Vị trí đầu nối nằm ở góc phía Tây Nam khu vực Dự án.

c. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH:

*** Đối với CTR sinh hoạt**

Hiện nay biện pháp công trình thu gom CTR sinh hoạt thực hiện tại khu vực dự án đang được áp dụng có hiệu quả. Vì vậy sẽ được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới và Cửa hàng sẽ bổ sung thêm 01 thùng rác loại 120 L bố trí tại khu vực bán hàng và 02 thùng rác loại 20L bố trí trong phòng bán hàng để thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh. Đồng thời, thường xuyên cho công nhân tiến hành vệ sinh, nạo vét và khơi thông các hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải trong khu vực.

*** Đối với CTNH**

Dự án cải tạo sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4 sẽ tiến hành phá dỡ bể chứa CTNH hiện có và xây dựng mới bể chứa CTNH có dạng hình hộp chữ nhật có kích thước: 1,4×1,4 m, thành xây blo mác 150 dày 0,12 m cao 0,6 m. Bể có nắp đậy bằng tôn có bản lè. Dịch chuyển lùi về góc phía Tây Bắc khoảng 5 m so với hiện trạng.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Quyết định số 1665/QĐ-BCT ngày 05/4/2012 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu đến năm 2020, có xét đến năm 2025. Trong đó nêu rõ:

+ Đảm bảo cung cấp đầy đủ và an toàn xăng dầu cho các phương tiện giao thông, kết hợp mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng.

+ Sắp xếp lại các cửa hàng hiện có, kiên quyết loại bỏ các cửa hàng nhỏ lẻ, kém mỹ quan kiến trúc, không phù hợp về quy hoạch phát triển chung của địa phương hoặc có vi phạm tiêu chuẩn về an toàn. Khai thác hiệu quả hơn cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống cửa hàng hiện có, giảm thiểu những nguy cơ mất an toàn về phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường.

Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy hoạch phát triển Thương mại Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo. Trong đó có nêu rõ:

Xây dựng lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc chuyển đổi cụ thể theo từng giai đoạn cho các cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa đủ điều kiện. Sau năm 2020 tất cả các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh phải có đủ diện tích và đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định.

Dự án cửa hàng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – Gas số 4 được xây dựng tại Km3+550(p), Quốc lộ 9, Phường 3, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích 1.236m², mục đích sử dụng đất là đất xây dựng cửa hàng xăng dầu. Khu đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y637983 cho Công ty Xăng dầu Quảng Trị. Như vậy, Dự án thuộc loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại (xăng dầu) là đúng mục đích sử dụng đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị công nhận quyền sử dụng đất theo quyết định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp theo quy định.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của Dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Qua số liệu quan trắc, giám sát môi trường không khí, nước mặt khu vực triển khai dự án ở Chương III cho thấy, môi trường khu vực chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm nên đủ khả năng tiếp nhận các chất thải phát sinh khi dự án triển khai thực hiện.

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường khu vực Dự án

Để đánh giá hiện trạng môi trường vùng triển khai dự án, báo cáo tham khảo dữ liệu hiện trạng môi trường từ báo cáo quan trắc môi trường của các Dự án do Trung tâm Quan Trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện như sau:

- Báo cáo kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022.
- Báo cáo kết quả quan trắc môi trường năm 2022 Petrolimex - Cửa hàng 06.

Dữ liệu môi trường tại khu vực thực hiện Dự án như sau:

1.1.1. Môi trường không khí và tiếng ồn

Bảng 3.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
			T11K6	
1	Nhiệt độ	°C	20,6	-
2	Độ ẩm	%	85	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,4	-
4	Tiếng ồn	dB(A)	66,5	70 ⁽¹⁾
5	Độ rung	dB	48	70 ⁽²⁾
6	Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	182	300
7	NO ₂	µg/m ³	20	200
8	SO ₂	µg/m ³	26	350
9	CO	µg/m ³	KPH(3000*)	30000

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ);

- ⁽²⁾ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng độ rung (tại khu vực thông thường từ 6 – 21 giờ);

- (-) Quy chuẩn không quy định;

- K6: Điểm tại Khu phố 1, phường 4, thành phố Đông Hà (gần Nhà máy xi măng - Công ty Minh Hưng) (T11: tháng 11).

Qua kết quả ở bảng trên cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường xung quanh và tiếng ồn tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn theo QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT. Điều đó cho thấy chất lượng không khí, mức ồn trong và lân cận khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, chưa bị tác động nhiều bởi các hoạt động giao thông và sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Môi trường nước mặt

Bảng 3.2. Dữ liệu môi trường nước mặt khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1)
			T10SH4QG2	
1	pH	-	6,7	5,5 - 9
2	DO	mg/l	6,1	≥ 4
3	TSS	mg/l	11	50
4	BOD ₅	mg/l	1,7	15
5	COD	mg/l	12	30
6	NH ₄ -N	mg/l	0,05	0,9
7	NO ₃ -N	mg/l	0,45	10
8	PO ₄ -P	mg/l	KPH(0,03*)	0,3
9	Fe	mg/l	0,36	1,5
10	Florua	mg/l	0,4	1,5
11	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH(0,3*)	1
12	E.Coli	MPN/100ml	10	100
13	Coliform	MPN/100ml	254	7.500

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt - Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- KPH: Không phát hiện.

- SH4QG2: Tại khu vực Trạm thủy văn Đông Hà (T10: tháng 10).

Kết quả ở bảng trên cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc chất lượng nước mặt tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 – QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

1.1.3. Chất lượng nước thải

Bảng 3.3. Dữ liệu chất lượng nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	NTXD06		QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)
			Đợt 1 (18/5/2022)	Đợt 2 (27/10/2022)	
1	pH	-	8,4	7,0	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	19	5,0	120
3	COD	mg/l	32	31	150
4	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	2,4	3,2	30

Ghi chú:

- QCVN 29:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu (Cột B - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).
- KPH: Không phát hiện; (*): Giới hạn phát hiện (LOD).
- (-): Không quy định.
- NTXD06: Tại hố thu gom cuối cùng, trước khi thải ra môi trường của Petrolimex - Cửa hàng 06 (phía Tây Bắc).

Qua kết quả tại bảng trên cho thấy, các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B).

1.1.4. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động của dự án

* Đối tượng dân cư:

- Cách khu vực Dự án khoảng 280 m, 1200 m về phía Đông và Đông Bắc lần lượt là Công an Phường 3 Đông Hà, Trường Trung học và Trung học cơ sở Phường 3. Và nằm cách khu vực Dự án khoảng 350 m, 550 m, 950 m về phía Tây Nam là Khách sạn Đông Trường Sơn, Trường Tiểu học Sông Hiếu, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị. Đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ cửa hàng xăng dầu cố định đến nơi thường xuyên tập trung đông người (cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, công sở) là 50 m theo quy định tại Thông tư 01/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Khoảng cách từ hầm chứa xăng, dầu của Dự án đến khu dân cư gần nhất (cụm dân cư khu phố 5 Phường 3) là 26 m về phía Đông, đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ bể chứa đến các công trình dân dụng khác là 5 m (theo quy định tại QCVN 01:2020/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu).

* Đường giao thông:

- Giáp khu vực dự án về phía Nam là Quốc lộ 9.

- Cách khu vực dự án khoảng 50 m về phía Tây Nam là đường Yết Kiêu.

1.2. Dữ liệu về đặc điểm tài nguyên sinh vật

- Dự án đã đi vào hoạt động từ năm 2003, hiện trạng cửa hàng đã bê tông hóa, hệ thực vật trong khuôn viên dự án có thể kể đến như: cây sung, một số cây dây leo trên tường rào. Hệ thực vật xung quanh khu vực Dự án như cây lúa, cây tre, cây bụi nhỏ hoang dại mọc rải rác.

- Động vật trên cạn: trong và lân cận khu vực Dự án chủ yếu động vật nuôi như chó, mèo và một số loài có thể kể đến như chuột, các loài chim.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải: Nước thải từ hoạt động của Dự án sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc Quốc lộ 9, sau đó thoát ra Khe Lược cách khu vực Dự án khoảng 200 m về phía Đông Bắc, Khe này có hướng dòng chảy hướng Tây Nam - Đông Bắc đổ ra Sông Hiếu. Điểm hợp lưu giữa Khe lược và sông Hiếu cách khu vực dự án khoảng 1,8 km về phía Đông Bắc.

** Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải:*

Để đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nguồn nước mưa cũng như nước thải của Dự án tham khảo kết quả giám sát chất lượng môi trường tại khu vực sông Hiếu ở bảng 3.2 cho thấy, các thông số quan trắc về chất lượng môi trường nước mặt đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1). Chất lượng môi trường khu vực tiếp nhận chưa bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của các dự án.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường khu vực Dự án, Chủ dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị tiến hành lấy mẫu 03 đợt trong phạm vi Dự án và khu vực lân cận.

Trong đó

- Đợt 1: Ngày 16/5/2023;

- Đợt 2: Ngày 17/5/2023;

- Đợt 3: Ngày 18/5/2023.

** Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn*

- Vị trí lấy mẫu như sau:

Bảng 3.4. Mô tả vị trí lấy mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn

Ký hiệu	Vị trí	Tọa độ VN2000, 106°15', múi chiều 3°	
		X (m)	Y (m)
KK1	Không khí tại khu vực Petrolimex – Cửa hàng 06 – Cửa hàng Gas số 4	1.860.097	588.249

- Chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.5. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2013/BTNMT (TB 1 giờ)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	Nhiệt độ	°C	30,2	30,8	31,1	-
2	Độ ẩm	%	67	66	63	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,2	1,5	1,2	-
4	Độ ồn	dB(A)	64,9	64,3	65,1	70 ⁽¹⁾
5	Bụi lơ lửng	µg/m ³	235	247	224	300
6	NO ₂	µg/m ³	16	19	17	200
7	SO ₂	µg/m ³	29	23	24	350
8	CO	µg/m ³	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	30.000

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

- (-): Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Kết quả phân tích ở bảng trên cho thấy, tất cả các thông số quan trắc chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

1.1.1. Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 8 công nhân viên trên công trường, với lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công là không nhiều. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt tới môi trường, Chủ dự án sẽ sử dụng nhà vệ sinh di động để phục vụ cho sinh hoạt công nhân.

1.1.2. Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn

Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Tránh tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vật liệu vào đường thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, thu gom CTR vào thùng chứa không để bùn, đất, rác, phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước tại khu vực.

- Các vật liệu thi công được tập kết trong khu vực có mái che để tránh nước mưa cuốn trôi.

- Bảo đảm việc thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

- Khi trời mưa phải phủ bạt đối với máy móc thi công.

1.1.3. Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng

- Sử dụng nước tiết kiệm trong quá trình thi công trộn bê tông, vữa, hạn chế tối đa thất thoát ra môi trường.

- Hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc thi công bằng cách che đậy hoặc chứa trong nhà có mái che khi có trời mưa.

- Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trên công trường sẽ được thu gom vào 03 thùng rác 120 L và 1 thùng rác loại 30 L đã được bố trí tại

của hàng để thu gom, xử lý.

- Nhà thầu sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà thu gom xử lý đúng quy định.

- Nhắc nhở công nhân thường xuyên dọn dẹp giữ gìn vệ sinh môi trường chung sạch sẽ, tách vứt rác bừa bãi.

1.2.2. Chất thải rắn xây dựng

- Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng,... loại chất thải này sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với các dạng gạch, đá, vữa thải loại, sử dụng vào việc đắp nền móng các công trình.

- Các loại không tận dụng được có thể thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

- Nhà thầu sẽ hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà thu gom xử lý đúng quy định

1.2.3. Chất thải nguy hại

Trong giai đoạn thi công này, chất thải nguy hại phát sinh tập trung khi tiến hành sửa chữa các phương tiện thi công nên công tác thu gom CTNH tương đối đơn giản. Đối với CTNH có tần suất phát sinh không thường xuyên, tuy nhiên, thành phần, tính chất rất nguy hại tới môi trường nên cần phải quản lý chặt chẽ. Đặc biệt đối với dầu thải từ máy móc thiết bị (chỉ phát sinh khi có sự cố cháy nổ, hư hỏng) sẽ được thu gom vào thùng chứa chuyên dụng thể tích 120 L có nắp đậy và dán nhãn cảnh báo CTNH sau đó chứa tại khu vực có mái che.

Đối với việc vận chuyển và xử lý CTNH, Chủ dự án yêu cầu Nhà thầu hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công, tháo dỡ công trình

- Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị thi công lập phương án thi công, tiến độ thi công, lựa chọn loại phương tiện vận chuyển, tuyến đường vận chuyển phù hợp để giảm thiểu đáng kể bụi và khí thải phát sinh.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu sẽ được phủ bạt kín khi hoạt động để tránh làm rơi vãi các loại vật liệu.

- Vào những ngày trời khô nắng và có gió lớn phát sinh bụi nhiều sẽ phun nước tưới ẩm kết hợp che chắn tại khu vực thi công.

- Phun ẩm tại đoạn ra vào khu vực dự án khoảng 100 m trên Quốc lộ 9, đoạn qua khu vực Dự án với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày và tăng lên vào thời kỳ cao điểm, nhằm hạn chế lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh vào những ngày nắng gió.

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công dự án bắt buộc phải có Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Chủ dự án yêu cầu nhà thầu xây dựng, hàng ngày bố trí công nhân quét dọn thu gom bụi, đất, vật liệu rơi vãi tại khu vực ra vào dự án để giảm phát sinh bụi và tai nạn giao thông.

- Bổ sung các biển hướng dẫn, biển báo, biển cấm, sơ đồ để hướng dẫn, điều tiết các phương tiện ra vào khu vực thi công.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường như: khẩu trang, găng tay, mũ, giày,...

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.4.1. Đối với tiếng ồn

- Chất lượng máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo đúng quy định. Có giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm hạn chế tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Bố trí lịch thi công hợp lý, các phương tiện giao thông và máy móc thi công không được hoạt động trong giờ cao điểm, thời gian nghỉ trưa, tránh thi công vào thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Không thi công với cường độ lớn, hạn chế hoạt động cùng lúc các máy móc thiết bị có độ ồn lớn nhằm giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn.

- Không lập bãi đỗ xe, tập trung phương tiện gần các khu vực có dân cư.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành các máy móc phương tiện phát sinh độ ồn cao.

1.4.2. Đối với độ rung

- Các phương tiện, máy móc trước khi sử dụng phải được cân chỉnh cố định và lắp đặt theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Quá trình thi công không tập trung nhiều máy móc cùng hoạt động tại một thời điểm và địa điểm nhằm hạn chế sự cộng hưởng.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông

- Xe vận chuyển đúng tải trọng quy định, không chở quá tải làm hư hại và rơi vãi vật liệu trên đường đi, gây tai nạn giao thông.
- Tại điểm giao nhau với đường vào Dự án bố trí các thiết bị báo hiệu hạn chế tốc độ lưu thông của các phương tiện qua lại.
- Các xe chở nguyên vật liệu có khả năng phát sinh bụi phải được che chắn kỹ để tránh ảnh hưởng đến người tham gia giao thông hiện tại trên tuyến Quốc lộ 9.
- Cấm các phương tiện đỗ và dừng xe dưới lòng đường.
- Nếu hoạt động của Dự án làm hư hỏng tuyến đường Chủ dự án sẽ có các biện pháp khắc phục, sửa chữa để đảm bảo an toàn đi lại cho người dân.
- Quy định tài xế tuân thủ Luật An toàn giao thông, không được phóng nhanh, vượt ẩu.
- Dọn dẹp vệ sinh đường sá sau mỗi ngày thi công và sau khi thi công xong.

1.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Chủ dự án yêu cầu Nhà thầu phải cam kết xe không chở nguyên vật liệu quá tải, tránh gây hư hỏng, sụt lún nền đường. Trong trường hợp nền đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, Nhà thầu phải sửa chữa kịp thời đảm bảo chất lượng bằng hoặc tốt hơn chất lượng đường hiện trạng.
- Thường xuyên quét dọn đất đá, vật liệu rơi vãi đoạn ra vào công trường để tránh tai nạn giao thông.
- Quản lý tốt công nhân trong thời gian làm việc và lưu trú. Đưa ra những quy định nghiêm ngặt với công nhân thi công về tổ chức, ăn, nghỉ, sinh hoạt, tránh phát sinh mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng với người dân địa phương gây mất ổn định xã hội và làm giảm tiến độ chung của Dự án.
- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc thực hiện pháp luật, bảo đảm an ninh trật tự và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội như cờ bạc và các hoạt động gây mất trật tự xã hội trên địa bàn.
- Có biển báo chỉ đường, biển báo hướng dẫn đầy đủ nhằm hạn chế tai nạn giao thông gây tâm lý không tốt cho người dân.
- Chất thải trong quá trình thi công được quản lý và thu gom sạch sẽ không làm phát sinh ra môi trường gây mất mỹ quan khu vực.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Dự án Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Thông báo số 1722/GXN-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019. Trong quá trình hoạt động từ năm 2003 đến nay Cửa hàng đã áp dụng một số biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Bảng 4.1. Biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện

TT	Tác động tiêu cực	Biện pháp xử lý	Hiệu quả thực hiện
1	Bụi và khí thải	<ul style="list-style-type: none">- Toàn bộ các đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh thoát kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng vị trí các cột bơm.- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng cũng như giảm thiểu khả năng phát sinh hơi xăng dầu.- Xe ô tô dùng để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và các thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.- Tổ chức vệ sinh hàng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực Cửa hàng.- Trang bị các phương tiện, áo quần, kính, găng tay, khẩu	Các biện pháp này đang được áp dụng và thực hiện có hiệu quả.

TT	Tác động tiêu cực	Biện pháp xử lý	Hiệu quả thực hiện
		trang,... cho công nhân lao động.	
2	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn thể tích 2,5 m ³ tại khu vực nhà điều hành để thu gom và xử lý.	Biện pháp này được áp dụng và thực hiện có hiệu quả. Tuy nhiên để đảm bảo xử lý triệt để nước thải sinh hoạt, Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng mới bể tự hoại 5 ngăn tách biệt
3	Nước thải sản xuất	<p>- Nước mưa trên mặt sân, nước vệ sinh sân đường phía trước nhà bán hàng và mái che cột bơm mang theo dầu mỡ rơi vãi được thu gom theo hệ thống rãnh hở xây dựng bao quanh cửa hàng và thu về bể lắng, tách dầu mỡ bố trí tại các góc phía Tây Bắc. Nước từ cụm bể tách dầu sau khi đã tách lọc các váng dầu mỡ và chất rắn lơ lửng sẽ đầu nối thoát ra Khe nước tự nhiên phía Tây Bắc và sau đó chảy ra Khe Lược nằm phí Đông Bắc khu vực dự án.</p> <p>- Hệ thống cụm bể lắng, tách dầu có cấu tạo 4 ngăn với thể tích 2,7 m³. Bể được lắp đặt các ống nước thông các ngăn bể với nhau với nguyên lý thu nước tràn ở dưới đáy bể. Giữ lại váng dầu mỡ trên bề mặt. Trên bề mặt bể bố trí nắp đan lưới thép để định kỳ nạo vét dầu mỡ và bùn cặn.</p>	Các biện pháp này đã sử dụng có hiệu quả, vì vậy Chủ dự án sẽ giữ nguyên bể lắng, tách dầu. Nước thải sau khi được xử lý sẽ theo hệ thống rãnh thoát nước (xây dựng mới) với chiều dài là 32m và đầu nối vào hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 9. Vị trí đầu nối nằm ở góc phía Tây Nam khu vực Dự án
4	Nước mưa chảy tràn	Đối với nước mưa từ mái che cột bơm, nhà bán hàng được thu gom trong hệ thống thoát nước sau đó cho thoát ra khu đất phía sau Cửa hàng.	Các biện pháp này được áp dụng có hiệu quả. Tuy nhiên, Dự án sẽ tiến hành phá dỡ nhà bán hàng và dịch chuyển lùi về phía Bắc so với hiện trạng là 10 m nên Chủ dự án sẽ tiến hành tháo dỡ hệ thống thu gom thoát nước mưa hiện trạng và xây dựng mới.

TT	Tác động tiêu cực	Biện pháp xử lý	Hiệu quả thực hiện
5	CTR sinh hoạt	- Bố trí 03 thùng rác loại 120 L và 01 thùng rác loại 30 L tại các vị trí phía sau khu vực nhà bán hàng của Cửa hàng để thu gom, xử lý; - Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyên, xử lý với tần suất 1 lần/ngày.	Các biện pháp này đã sử dụng có hiệu quả, vì vậy chủ dự án sẽ tiếp tục áp dụng trong thời gian tới
6	CTNH	Thu gom và lưu giữ vào kho chứa tại khu vực cửa hàng. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, xử lý với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyên, xử lý với tần suất 01 lần/năm.	Các biện pháp này đã sử dụng có hiệu quả. Tuy nhiên cửa hàng tiến hành nâng cấp, mở rộng nên, Chủ dự án sẽ tiến hành xây mới bể chứa CTNH.

2.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải: Từ quá trình sinh hoạt của 4 CBCNV/ngày làm việc tại Cửa hàng và khoảng 15 khách vãng lai/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

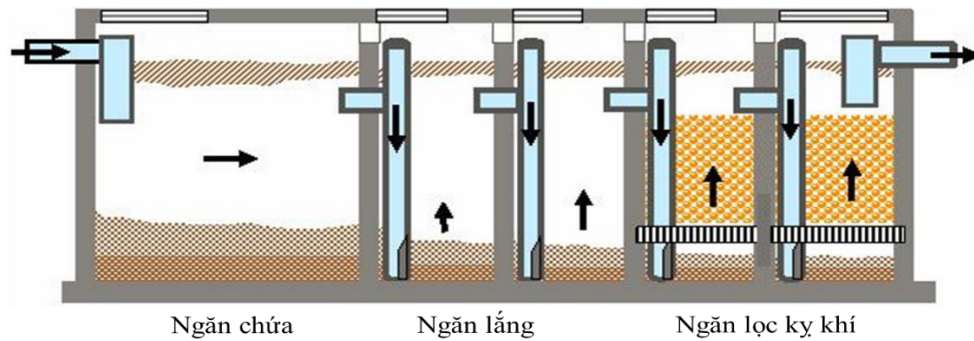
- Tải lượng: Định mức cấp nước 150 lít/người/ngày [4] và tỷ lệ thải là 100% lượng nước cấp [5]. Với số lượng công nhân khoảng 8 người thì lượng nước thải phát sinh là: 4 người × 150 lít/người/ngày × 100% = 0,6 m³/ngày.

Đối với 15 khách vãng lai (25 lít/người/ngày) với khối lượng khoảng 0,4 m³/ngày.

Như vậy, tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 1 m³/ngày.

Biện pháp giảm thiểu:

Đối với nước thải sinh hoạt, Cửa hàng xây mới hệ thống nhà vệ sinh tự hoại 5 ngăn. Bể phốt tự hoại cải tiến BASTAF thường được xây dựng với 5 ngăn tách biệt (như mô hình bên dưới) được điều chỉnh và tính toán dung lượng và nồng độ dòng chảy chính xác quá các vách ngăn mỏng dòng hướng lên và ngăn lọc kỵ khí.



Hình 4.1. Mô hình hầm tự hoại 5 ngăn

Tính toán kích thước được xác định theo công thức sau:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$$W = W_n + W_c$$

Trong đó:

- W_n : Thể tích phần nước của bể; (m^3)

- W_c : Thể tích phần phân hủy cặn của bể; (m^3)

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 - 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày.đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh, ở đây chọn $W_n = 2Q_n = 2 \times 1 m^3/\text{ngày.đêm} = 2 m^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N_1 / [(100 - W_2) \times 1.000] (m^3). \text{ Trong đó:}$$

a: Lượng cặn của một người thải ra một ngày (0,5 – 0,8 lít/người.ng.đ).

T: Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365$ ngày.

W_1, W_2 : Độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn $W_1=95\%$, $W_2=90\%$.

b: Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N_1 : Số người quy đổi tính toán: $N_1 = N.e$. Trong đó:

+ N : Số người sử dụng ($N = 23$);

+ e : Hệ số quy đổi để thiết kế bể tự hoại, tính theo phần trăm tổng số người sử dụng đối với cán bộ công nhân là 70% số người.

$$\Rightarrow W_c = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 19] \times 0,7 / [(100 - 90) \times 1.000] = 1,6 m^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại là $2 + 1,6 = 3,6 m^3$.

Chủ dự án sẽ phá dỡ bể tự hoại hiện trạng và xây dựng mới hệ thống xử lý nước thải với thể tích bể là $5 m^3$ tại khu nhà làm việc nằm tại góc phía Bắc của Dự án và cách bể tự hoại hiện trạng 10 m về phía Bắc. Đảm bảo xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi xử lý được đầu nổi chảy ra Khe nước tự nhiên phía Bắc khu vực Dự án, sau đó thoát ra Khe Lược nằm phía Đông Bắc của Dự án.

2.1.2. Nước thải sản xuất

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn trên mặt sân, nước vệ sinh sân đường trước nhà bán hàng.

- Thành phần: Nước thải phát sinh này chủ yếu chứa dầu mỡ rơi vãi, các chất rắn lơ lửng

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt sân, nước vệ sinh sân đường phía trước nhà bán hàng và mái che cột bơm được xác định theo công thức (TCVN 7957:2008

- Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times C \times F.$$

Trong đó:

Q - Lượng nước mưa chảy tràn;

F - Diện tích sân bãi bê tông: 264 m².

q – Lượng mưa ngày lớn nhất trong 5 năm gần đây (2017-2022) có giá trị 387,8 mm (8/10/2020);

C - Hệ số dòng chảy, C = 0,75 tương ứng với mặt phủ bê tông;

$$\Rightarrow \text{Vậy: } Q = 264 \text{ (m}^2\text{)} \times 0,3878 \text{ (m/ngày)} \times 0,75 = 76,8 \text{ m}^3\text{/ngày.}$$

Biện pháp giảm thiểu:

Nước mưa trên mặt sân, nước vệ sinh sân đường phía trước nhà bán hàng mang theo dầu mỡ rơi vãi được thu gom theo hệ thống rãnh kín với chiều dài 50 m để thu về cụm bể lắng tách dầu, lắng cặn. Nước từ cụm bể tách dầu sau khi đã tách các váng dầu mỡ và chất rắn lơ lửng sẽ được dẫn qua bể lắng và lọc và được thu gom vào hệ thống rãnh bê tông với chiều dài rãnh là 32 m, được bố trí sát chân tường rào sau đó đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 9 ở phía Tây Nam khu vực Dự án. Hệ thống cụm bể lắng, tách dầu được bố trí phía Tây Bắc cửa hàng với tổng thể tích 2,7 m³. Bể có cấu tạo 4 ngăn với kích thước:

$$+ \text{Ngăn 1: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

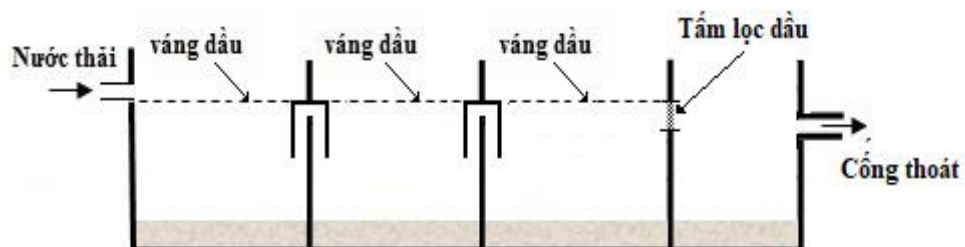
$$+ \text{Ngăn 2: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

$$+ \text{Ngăn 3: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,76 \times 0,76 \times 1,25)$$

$$+ \text{Ngăn 4: (D} \times \text{R} \times \text{C)} = (0,7 \times 0,76 \times 1,25)$$

(Sơ đồ thiết kế kèm theo ở phụ lục)

Giữa các ngăn có lắp đặt các ống nước thông các ngăn bể với nhau theo nguyên lý thu nước tràn ở dưới đáy bể. Giữ lại váng dầu mỡ trên bề mặt. Trên bề mặt bể bố trí nắp đan lưới thép để định kỳ nạo vét dầu mỡ và bùn cặn. Sơ đồ cụm bể lắng, tách dầu như sau:



Hình 4.2. Sơ đồ hệ thống thu gom và xử lý nước thải

Nguyên lý hoạt động:

+ Nước thải vào ngăn thứ nhất: Phần lớn đất, cát được lắng xuống, lượng dầu mỡ khoáng trong nước thải do có khối lượng riêng nhỏ hơn nước nên được nổi lên trên bề mặt bể, định kỳ sẽ thu vớt lớp dầu này như xử lý CTNH.

+ Nước sau khi qua ngăn thứ nhất sẽ được dẫn lần lượt vào ngăn thứ 2 và 3 bằng ống thông ở phía dưới mặt nước nhằm ngăn chặn dầu đi qua. Tại các ngăn này, các chất cặn lắng tiếp tục được lắng xuống, phần nhũ dầu mỡ trong nước khi qua ngăn thứ 2 và 3, ở các ngăn này do nước ở dạng ít bị xáo trộn nên phần nhũ dầu mỡ có điều kiện nổi lên trên bề mặt nước và định kỳ được nạo vét thu gom.

+ Nước thải từ ngăn thứ 3 được dẫn qua ngăn thứ 4 thông qua tấm lọc dầu, tại đây nước thải đã được xử lý với nồng độ chất rắn lơ lửng giảm 85 - 95%, dầu mỡ khoáng giảm 80 - 90%.

Để đánh giá chất lượng nước thải là nước mưa chảy qua hệ thống khuôn viên Cửa hàng cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt sau khi qua hệ thống xử lý, báo cáo tiến hành tham khảo kết quả giám sát chất lượng nước thải năm 2022 do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện, kết quả thể hiện tại Bảng 3.4 cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B).

2.1.3. Nước mưa chảy tràn

Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với nước mưa từ mái che cột bơm, nhà bán hàng:

+ Đối với nước mưa trên mái che cột bơm: Bố trí 02 máng nước bằng inox 304 dày 1mm. Toàn bộ nước trên mái được thu về 02 máng thu nước, trong máng thu nước bố trí phân đều nhiều vị trí lỗ thu nước để có thể thu triệt để toàn bộ nước trên mái vào các ống thu nước. Nước từ mái che cột bơm được đầu nối chảy tràn qua mái nhà bán hàng.

+ Đối với nước mưa trên mái nhà bán hàng và nhà bán Gas: Toàn bộ nước mưa trên mái được hứng trên hệ thống sê nô bao quanh mái, nước được thu vào các ống thoát đường kính 110 và chảy ra mái taluy phía sau khu đất, sau đó thoát ra Khe Lược nằm tại phía Đông Bắc của Dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn qua khu vực sân bãi không nhiễm dầu mỡ: Lượng nước mưa từ khu vực sân bãi chảy ra hệ thống thoát nước dọc Quốc lộ 9, sau đó nước mưa theo hệ thống thoát nước thoát ra Khe Lược nằm ở phía Đông Bắc khu vực dự án.

2.2. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

Tác động chủ yếu đến môi trường không khí của Dự án chính là lượng xăng dầu bay hơi trong quá trình nhập, tồn lưu và xuất bán xăng dầu. Thành phần chủ

yếu của hơi xăng dầu là các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) bao gồm: các hydrocacbon mạch ngắn, các phụ gia trong xăng như benzen, toluen, styren. Các chất này khi khuếch tán vào không khí sẽ chiếm chỗ ôxy dẫn đến gây khó thở và trực tiếp tác động đến sức khỏe CBCNV Cửa hàng. Tuy nhiên, hiện nay, công nghệ xuất, nhập xăng vào bồn chứa và công nghệ bảo quản ngày càng hiện đại.

** Biện pháp giảm thiểu hơi xăng dầu trong quá trình nhập, tồn chứa và xuất:*

Để giảm thiểu tác động gây ô nhiễm do hơi hydrocacbon từ xăng dầu, Chủ dự án sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp đã được sử dụng có hiệu quả trong thời gian qua như sau:

- Toàn bộ các đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bao bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh thoát kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng vị trí cột bơm

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van hở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng cũng như giảm thiểu khả năng phát sinh hơi xăng dầu.

- Xe ô tô dùng để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những khe hở, những chỗ rò rỉ trên hệ thống ống dẫn để giảm thiểu lượng nhiên liệu thất thoát và bay hơi.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và các thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Trang bị các phương tiện, áo quần, kính, găng tay, khẩu trang,... cho công nhân lao động tại cửa hàng.

- Tổ chức dọn vệ sinh hàng ngày trên toàn bộ mặt bằng của khu vực Cửa hàng.

- Cửa hàng sẽ phun nước thường xuyên khu vực kinh doanh vào những ngày nắng nóng, đảm bảo độ ẩm hợp lý, không gây bụi.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại)

2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Số lượng CBCNV khi dự án đi vào hoạt động là 4 người (số lượng CBCNV không thay đổi) và khoảng 15 khách vãng lai/ngày. Lượng CTR phát sinh trong quá trình sinh hoạt của CBCNV chủ yếu là túi nilon, chai, lon, thức ăn thừa,... Lượng rác thải sinh hoạt trung bình khoảng 0,5kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải phát sinh tính được khoảng 9,5 kg/ngày. Hiện tại Cửa hàng đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí 03 thùng chứa rác thải chuyên dụng loại 120 L và 01 thùng rác loại 30L tại các vị trí sau khu vực nhà bán hàng của Cửa hàng để thu gom và hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà vận chuyển, xử lý với tần suất thu gom hàng ngày. Trong thời gian tới, Cửa hàng sẽ bổ sung 01 thùng rác loại 120 L ở khu vực ra vào và 02 thùng rác loại 20 L ở trong nhà bán hàng của Cửa hàng để thu gom lượng rác thải phát sinh.

Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cửa hàng sẽ tiếp tục áp dụng.

2.3.2. Chất thải nguy hại

Bảng 4.2. Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng

TT	Danh mục chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng/năm (kg)
1	Giẻ lau dính dầu, bông thấm dầu	18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	0,3
3	Bùn thải nhiễm dầu từ bể lọc dầu	19 07 01	40
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (Lon nhựa, vỏ hộp dính dầu)	18 01 03	1
5	Dầu thải	17 02 04	5
	Tổng		49,3

CTNH sẽ được thu gom, phân loại vào 4 thùng với thể tích 120 L và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải có dán nhãn và đưa về bể chứa CTNH được xây dựng mới ở góc phía Tây Bắc Cửa hàng. Bể chứa CTNH có dạng hình hộp chữ nhật có kích thước: (1,4×1,4×0,6) m, thành xây blo mác 150 dày 0,12 m cao 1m. Bể có nắp đậy bằng tôn có bản lè.

Toàn bộ CTNH của Cửa hàng được tập kết về bể chứa CTNH và hiện nay Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý Môi trường Nghệ An định kỳ vận chuyển, xử lý với tần suất 01 đợt/năm (Hợp đồng bố trí tại phụ lục báo cáo). Biện pháp này đang được sử dụng có hiệu quả tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu cửa Công ty xăng dầu Quảng Trị trong đó có Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4, do đó Chủ dự án sẽ tiếp tục thực hiện biện pháp xử lý này.

2.4. Về công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại cửa hàng chủ yếu từ các phương tiện ra vào để mua xăng, dầu. Đặc biệt là xe tải, xe khách. Do đó, Cửa hàng sẽ áp dụng một số biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn như sau:

- Quy định tốc độ của các loại phương tiện khi ra vào Cửa hàng;

- Yêu cầu các phương tiện ra vào Cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe;

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

2.5.1. Đối với sự cố cháy nổ

- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của cửa hàng tuân thủ theo TCVN 6223: 2017 Tiêu chuẩn Quốc gia về Cửa hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) – Yêu cầu chung về an toàn và QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trong chống cháy nổ được bố trí như sau:

+ Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động và trên nền nhà tại nhà bán hàng, phòng để máy phát điện dự phòng, cột bơm xăng, dầu, nơi bán dầu nhò và cửa hàng gas và kho chứa bình gas (LPG), khu vực cụm bể chứa xăng, dầu. Bình cứu hỏa được bố trí bình MFZL8 loại 4 kg, MFZL8 loại 8 kg và loại MFTZ35 loại 35 kg trên xe đẩy. Các bình cứu hỏa được bố trí các vị trí thuận tiện, dễ nhìn thấy cùng các chèn sợi. Toàn bộ lượng thiết bị phòng cháy chữa cháy phải tuân theo bảng dưới đây.

Bảng 4.3. Các hạng mục hệ thống PCCC

TT	Dụng cụ chữa cháy	Số lượng (Bình)
1	Bình bột MFTZ35 loại 35 kg	2
2	Bình bột MFZL4 loại 4 kg	8
3	Bình bột MFZL8 loại 8 kg	4
4	Bình CO ₂ loại 5 kg	2
5	Chèn chiên	6 (cái)
6	Thùng nước	1 (20 L)

- Số lượng trang thiết bị kê trên là số lượng đầy đủ, phù hợp với quy mô cho toàn bộ Petrolimex-Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4. Sau khi xây dựng sửa chữa mở rộng xong thì Chủ Dự án nên tiến hành rà soát lại toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của cửa hàng, cái nào còn sử dụng được thì tận dụng lại, cái nào hư hỏng, không sử dụng được thì loại bỏ và bổ sung thêm các trang thiết bị cho đầy đủ như bảng trên.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại... ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng.

+ Đối với cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – Gas số 4 thì phải trang bị dụng cụ kiểm tra sự rò rỉ của gas LPG.

- Các bể chứa xăng, dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bể chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an

toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng. Đây là vị trí an toàn, đảm bảo sự cách ly trong phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng bể chứa nước và cát cứu hỏa có kích thước: (1 x 1,5) m. Bao gồm 2 ngăn:

+ Ngăn chứa cát có 2 thành bên xây cao 0,2m đến 0,6m. Thành trước xây cao 0,2m để dễ dàng theo tác trong chữa cháy cho cụm bể chứa;

+ Ngăn chứa nước cứu hỏa với thành xây cao 1m để chứa nước ngâm chặn cứu hỏa.

- Toàn bộ đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng vị trí các cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi hơi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Toàn bộ các hộp điện vỏ sắt, các thiết bị bằng kim loại trong nhà bán hàng, mái che cột bơm, các thiết bị của cụm bể đều được nối với hệ thống tiếp địa an toàn với $R_{td} \leq 4\Omega$.

- Nhà bán hàng, mái che cột bơm, cụm van thở được bảo vệ bằng hệ thống chống sét cổ điển, toàn bộ hệ thống sét được đấu nối với hệ thống tiếp địa đặt ngầm dưới đường bãi bê tông dưới mái che cột bơm. Hệ thống tiếp địa chống sét đánh thẳng có hệ số điện trở với $R_{td} \leq 10\Omega$.

- Cụm bể chứa xăng, dầu được đấu nối với hệ thống chống sét cảm ứng và chống tĩnh điện và được nối với hệ thống tiếp địa an toàn $R_{td} \leq 10\Omega$.

- Ngoài các trang thiết bị nói trên. Ở 2 cột bơm ở phía trước cửa hàng có bố trí các vòi nước vừa để cấp nước mui cho các phương tiện xe cơ giới đồng thời vừa để chữa cháy khi cần.

- Thường xuyên diễn tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên cửa hàng.

Các biện pháp này đã được áp dụng có hiệu quả trong thời gian qua nên sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời gian tới.

2.5.2. Đối với sự cố tràn dầu

Chủ dự án thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian. Bên cạnh đó, Dự án sẽ trang bị các phương tiện, dụng cụ ứng cứu sự cố tràn dầu xảy ra như chần sợi, bông thấm, cát để thấm dầu, phao quây để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trường hợp, sự cố tràn dầu vượt khả năng ứng phó của cửa hàng sẽ thông báo với các cơ quan chức năng liên quan để ứng

cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định như sau:

*** Quy trình chung:**

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Và triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải nhanh chóng khống chế nguồn gây tràn dầu ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại cửa hàng.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi gây phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng xảy ra sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an ninh, an toàn tại khu vực xảy ra sự cố.

*** Thông báo, báo động:**

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội UPSCTD, cửa hàng trưởng có trách nhiệm thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCĐ để BCĐ kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu kịp thời.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh,... để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy theo mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

*** Đánh giá sự cố:** Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá sự cố như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

+ Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn;

+ Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyển hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu tràn; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng;

+ Thực lực của Đội Ứng phó sự cố tràn dầu (UPSCTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

** Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng ứng phó*

Để có phương án ứng phó sự cố có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) và Đội trưởng đội UPSCTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng lựa chọn phương pháp ứng phó

- Đội trưởng đội UPSCTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó sự cố. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

** Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Khi xảy ra sự cố tràn dầu phải tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu,... để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn gây ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa “vùng ô nhiễm” và “vùng sạch”, cần phải kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín,...

- Các hoạt động ứng phó sự cố đều phải được thực hiện sao cho đảm bảo tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung ở mức độ cao nhất.

** Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó tại hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác UPSCTD về vị trí ban đầu:

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

+ Thu hồi các trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.

+ Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.

- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:

+ Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ,... (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

+ Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu tràn phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Tiến hành công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình ứng phó sự cố nên tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc được sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại.

2.5.3. Phòng ngừa tai nạn lao động

- Cửa hàng phải trang bị đầy đủ dụng cụ y tế và cơ sở thuốc cần thiết, tổ chức huấn luyện sơ cứu tại chỗ để có thể sơ cứu kịp thời cho các trường hợp xảy ra tai nạn lao động.

- Tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động cho công nhân hằng năm.

- Người lao động tại cửa hàng phải được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cá nhân như găng tay, mũ, khẩu trang,... theo công việc được phân công.

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.4. Danh sách các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

Giai đoạn dự án	Tác động	Công trình, biện pháp BVMT	Dự toán kinh phí (ngàn đồng)	Kế hoạch thực hiện	Tổ chức thực hiện, vận hành
Thi công	Bụi, khí thải	Tưới nước giảm bụi với tần suất 02 lần/ngày	1.000/ngày	Trước và trong quá trình thi	Chủ dự án và đơn vị thi
	CTR	03 thùng rác loại 120 L và 01 thùng	Đã đầu tư		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Sửa chữa, mở rộng Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn - Gas số 4

		rác loại 30 L		công (2023)	công
	Nước mưa chảy tràn	Sử dụng rãnh thu nước mưa chảy tràn khu vực sân đường có lấn xăng dầu rơi vãi và nước thải vệ sinh sân đường về bể lắng, lọc dầu thể tích 2,7 m ³ để xử lý.	Đã xây dựng		
	Nước thải sinh hoạt	Sử dụng nhà vệ sinh di động để phục vụ cho sinh hoạt công nhân	20.000		
Vận hành	Bụi và khí thải	Tưới nước giảm bụi với tần suất 02 lần/ngày	1.000/ngày	Trong giai đoạn vận hành	Chủ dự án
	Nước mưa chảy tràn	Hệ thống thu gom thoát nước mưa trên mái che cột bơm, mái nhà bán hàng.	10.000		
	Nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn có thể tích 5 m ³ .	30.000		
	Chất thải rắn	Thu gom vào 03 thùng rác 120 L, 01 thùng loại 30 L (mua bổ sung 01 thùng rác loại 120 L và 02 thùng rác loại 20 L) - Hợp đồng Công ty Cổ phần Môi trường và Công ty Đô Thị Đông Hà vận chuyển, xử lý, tần xuất 01 lần/ngày.	1200/1 thùng rác 120L 50/1 thùng rác 20L		
	CTNH	CTNH được thu gom vào 04 thùng đựng CTNH chuyên dụng loại 120 L, và 1 ống nhựa PVC có nắp đậy chứa đèn huỳnh quang thải. Các thùng chứa này được	25.000/bể chứa		

		lưu trữ vào bể chứa CTNH mới có kích thước: (1,4x1,4x0,6)m			
--	--	---	--	--	--

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Quá trình dự báo các tác động đến môi trường đã chọn lọc những phương pháp khoa học gắn liền với tính thực tiễn của Dự án nên đã đưa ra giải pháp phù hợp, giúp Chủ đầu tư và các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về BVMT có cơ sở để triển khai các công việc tiếp theo của Dự án.

Mức độ chi tiết và tin cậy của các phương pháp trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.5. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp liệt kê	Nhận diện tất cả các tác động xấu trong các giai đoạn của dự án, quá trình nhận diện liệt kê được nghiên cứu kỹ lưỡng, các cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp nên có mức độ tin cậy cao.
2	Phương pháp thống kê	Các tài liệu, số liệu được thu thập và xử lý bằng phương pháp thống kê đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đã được công nhận rộng rãi do đó có mức độ tin cậy cao.
3	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	- Trực tiếp điều tra, khảo sát tại hiện trường; - Các thiết bị lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường hiện đại và đã được chứng nhận của cơ quan chức năng, do đó số liệu từ phương pháp này có mức độ tin cậy cao.
4	Phương pháp tổng hợp, so sánh	Các số liệu từ phân tích thông số môi trường tại phòng thí nghiệm và các số liệu từ phương pháp đánh giá nhanh được tổng hợp và tiến hành so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để đánh giá mức độ ô nhiễm. Mức độ tin cậy cao.

** Những điều còn chưa chắc chắn trong đánh giá:*

Một số tác động nhỏ, mức độ ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể và diễn ra trong thời gian ngắn nên không được tính toán một cách chi tiết về tải lượng như tác động từ nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng,...

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của 4 CBCNV và 15 khách vắng lai/ngày.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sinh hoạt phát sinh 1 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý ở hệ thống xử lý nước thải đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K = 1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	TDS	mg/l	1200
4	BOD ₅	mg/l	60
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
6	Coliform	MPN/100 ml	5000
7	NO ₃ ⁻ tính theo N	mg/l	60
8	NH ₄ ⁺ tính theo N	mg/l	12
9	PO ₄ ³⁻ tính theo P	mg/l	12
10	Sunfua	mg/l	4,8

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải, nguồn tiếp nhận: 01 vị trí tại góc phía Bắc của Cửa hàng.

Tọa độ: X: 1.860.118 m; Y: 588.247 m (Hệ tọa độ VN2000, 106°15', múi chiếu 3⁰).
Nước thải đầu nổi chảy ra Khe nước tự nhiên phía Bắc khu vực Dự án, sau đó thoát ra Khe Lược nằm phía Đông Bắc của Dự án.

+ Phương thức xả thải: tự chảy ra môi trường .

1.2. Nước thải sản xuất (nước mưa chảy tràn trên sân đường có dầu mỡ)

- Nguồn phát sinh nước thải: nước mưa chảy tràn trên sân đường;

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải là nước mưa chảy tràn qua sân đường có dầu rơi vãi, với lưu lượng 76,8 m³/ngày.

- Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý ở hệ thống xử lý nước thải đạt cột B QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải: Chất lượng môi trường nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 5.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải, nguồn tiếp nhận: 01 vị trí tại góc phía Tây Nam của Cửa hàng. Tọa độ: X: 1.860.091 m; Y: 588.225 m (Hệ tọa độ VN2000, 106°15', múi chiếu 3⁰). Nước thải đầu nổi thoát ra hệ thống thoát nước dọc Quốc lộ 9, sau đó theo hệ thống thoát nước chảy ra Khe Lược nằm phía Đông Bắc khu vực Dự án.

+ Phương thức xả thải: tự chảy ra môi trường.

2. Nội dung cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của Dự án chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương IV. Do đó, chủ Dự án không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của Dự án chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Dự án. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Tuy nhiên, dự án nằm trong khu dân cư khu phố 5, phường 3, thành phố Đông Hà. Chủ dự án cần đảm bảo quản lý tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (tại khu vực thông thường từ 6 – 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

Bảng 5.3. Mức độ giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	70	-
2	Độ rung	dB	-	70

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 tháng, bắt đầu từ khi hệ thống xử lý xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.

Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn qua sân bãi	Ngày 15/01/2024	Ngày 15/04/2024	Tùy vào lượng mưa
Bể tự hoại 05 ngăn			100%

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh tùy vào lượng mưa, lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi có mưa khoảng 76,8 m³/ngày.

- Lượng nước thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là các chất rắn lơ lửng và dầu mỡ,... công nghệ xử lý nước thải của dự án được thực hiện bằng hệ thống các bể lắng, lọc, tách dầu mỡ và bể lắng. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Số lượng quan trắc: 02 vị trí
- + 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải chung.
- + 01 tại vị trí đầu ra bể tự hoại 5 ngăn.
- Loại mẫu: mẫu đơn.
- Thông số quan trắc:
 - + Nước thải sinh hoạt: pH, TSS, TDS, BOD₅, Coliform, NO₃⁻, NH₄⁺, PO₄³⁻, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật.
 - + Nước thải sản xuất: pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất quan trắc:
 - + Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.
- Quy chuẩn áp dụng:

+ Cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

+ Cột B QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

- Chủ dự án dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

* Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm

Dự án không bố trí kinh phí quan trắc định kỳ.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ dự án cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải (hệ thống bể lắng, lọc và tách dầu mỡ).

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý liên quan đến dự án;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Các bản vẽ liên quan đến Dự án;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu hiện trạng môi trường (03 đợt khảo sát);
- Giấy xác nhận nội dung bản đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

NGUỒN TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thuyết minh và dự toán dự án đầu tư: Petrolimex – Cửa hàng 06 và Cửa hàng dầu, mỡ, nhờn – Gas số 4;
- [2]. Quyết định số 1329/QĐ-BXD ngày ngày 19/12/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức sử dụng vật liệu trong xây dựng;
- [3]. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường;
- [4]. TCXDVN 33-2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế
- [5]. Nghị định 80/2014/NĐ - CP của Chính phủ ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải;
- [6]. TCVN 7957:2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.